TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2024
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Mai**

Bà **Lê Thị Hoa**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 699/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H** – Sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố Bá Hà 2, phường Ninh Thủy, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Trương H1** – Sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố Bá Hà 2, phường Ninh Thủy, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị H trình bày:*

Bà và ông Trương H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thủy (nay là phường Ninh Thủy). Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2022 xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên kình cãi và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 03 con chung tên Trương Thị Lệ H2, sinh ngày 07/7/1990, Trương Thị H3, sinh ngày 28/01/1993 và Trương Văn H4, sinh ngày 06/9/1995. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Trương H1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.*

**** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N trình bày quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: bà H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trương H1 đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Ông Trương H1 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân Bá Hà 2, phường Ninh Thủy, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà H yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông H1 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Trương H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/2004 ngày 14/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thủy (nay là phường Ninh Thủy). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Trương H1 là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2022 nảy sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và ông H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên kình cãi. Từ năm 2022 đến nay, bà H và ông H1 không còn chung sống với nhau là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Ông Trương H1 đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà H và ông H1 không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà H và ông H1 có 03 con chung tên Trương Thị Lệ H2, sinh ngày 07/7/1990, Trương Thị H3, sinh ngày 28/01/1993 và Trương Văn H4, sinh ngày 06/9/1995. Các con chung đã trưởng thành và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của vị đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Bà Trần Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trương H1.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0001496 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã N. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- THADS thị xã N;
- UBND phường Ninh Thủy;
(GCNKH số 58/2004 ngày 14/4/2004);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Huỳnh Tường Viên